

Số: 08 /NQ-HĐND

Tân Uyên, ngày 29 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn  
nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN  
KHÓA XXI NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Lai Châu: Số 52/NQ-HĐND ngày  
14 tháng 10 năm 2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025  
nguồn vốn ngân sách địa phương; số 66/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021  
về phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập  
trung giai đoạn 2021-2025; số 25/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 về Kế  
hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Đề án phát triển  
hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung;*

*Theo đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 1506/TTr-UBND ngày 29  
tháng 6 năm 2022 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân  
sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 75/BC-HĐND ngày  
08 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng Nhân dân huyện và ý  
kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, với các nội dung sau:

**1. Nguyên tắc phân bổ, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025**

**1.1.** Việc lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tân Uyên lần thứ XVIII; Quy hoạch phát triển vùng huyện; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và các Chương trình, Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác trong và ngoài nước.



**1.2.** Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 do cấp có thẩm quyền quyết định.

**1.3.** Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025; chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên, các chương trình, dự án quan trọng, có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**1.4.** Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển; nâng cao hiệu quả quản lý vốn đầu tư; tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

**1.5.** Phân bổ vốn đầu tư phải tập trung; không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

**1.6.** Thứ tự ưu tiên và mức bố trí vốn như sau:

- Trong từng lĩnh vực bố trí vốn cho các dự án theo thứ tự ưu tiên bố trí đủ vốn để trả nợ xây dựng cơ bản; các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước sang.

- Phân bổ vốn cho các công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025 để tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện và đáp ứng theo yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án:

- + Đối với các dự án hoàn thành giai đoạn 2016-2020; dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2021-2025, bố trí vốn bằng tổng nhu cầu vốn còn lại của các công trình dự án nhưng không vượt quá tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- + Đối với các công trình khởi công mới bố trí vốn đảm bảo yêu cầu để triển khai dự án (*ưu tiên các dự án cấp bách, quan trọng*).

## **2. Danh mục và phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025**

Tổng Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 đã giao tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND huyện Tân Uyên: 179.025 triệu đồng.



Tổng Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh: 265.701 triệu đồng, cụ thể như sau:

**2.1. Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: 156.921 triệu đồng, trong đó:**

**a. Cân đối ngân sách huyện: 94.271 triệu đồng/22 dự án, gồm:**

- Kế hoạch vốn bố trí cho các dự án tiếp chi: 1.364 triệu đồng/03 dự án.
- Kế hoạch vốn bố trí cho các dự án khởi công mới: 92.907 triệu đồng/19 dự án.

**b. Các dự án ngân sách tỉnh quản lý: 62.650 triệu đồng/11 dự án khởi công mới, gồm:**

- Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025: 1.250 triệu đồng/01 dự án.
- Thực hiện các chương trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025: 61.400 triệu đồng/10 dự án, cụ thể:
  - + Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030: 18.600 triệu đồng/04 dự án.
  - + Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: 42.800 triệu đồng/06 dự án.

*(Chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo)*

**2.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 108.780 triệu đồng, trong đó:**

**a. Thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai: 12.997 triệu đồng/08 dự án, gồm:**

- Kế hoạch vốn bố trí cho các dự án chuyển tiếp: 6.169 triệu đồng/03 dự án.
- Kế hoạch vốn bố trí cho các dự án triển khai thực hiện mới: 6.828 triệu đồng/05 dự án.

**b. Đầu tư cơ sở hạ tầng: 95.783 triệu đồng, gồm:**

- Kế hoạch vốn bố trí cho các dự án chuyển tiếp: 4.973 triệu đồng/04 dự án.
- Kế hoạch vốn bố trí cho các dự án khởi công mới: 90.810 triệu đồng, cụ thể:
  - + Các dự án khởi công mới đã có danh mục chi tiết: 80.593 triệu đồng/19 dự án.
  - + Các dự án khởi công mới lồng ghép: 3.750 triệu đồng/02 dự án.
  - + Các dự án khởi công mới phát sinh: 6.467 triệu đồng.

*(Chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo)*

**Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao**

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện nội dung của Nghị quyết theo đúng quy định hiện hành.

2. Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện, Đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành.**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tân Uyên khóa XXI, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của HĐND huyện khóa XXI nhiệm kỳ 2021-2026./.

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Công thông tin điện tử huyện (đăng tải);
- Lưu: VT, VP. ✓

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Huy Phương**



PHỤ LỤC 01

Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 - Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung

(Kèm theo Nghị quyết số 08 /NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Tân Uyên)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành (dự kiến)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã phân bổ giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
	<b>TỔNG SỐ (A+B)</b>				<b>281.661</b>	<b>40.835</b>	<b>156.921</b>		
<b>A</b>	<b>Cân đối ngân sách huyện</b>				<b>218.330</b>	<b>40.835</b>	<b>94.271</b>		
<b>I</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</b>				<b>44.830</b>	<b>40.835</b>	<b>1.364</b>		
1	Trường Tiểu học số 1 thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2019-2020	1466/30.10.18; 674a/17.7.20	7.900	7.624	183	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
2	Trường THCS Hoàng Liên, thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2019-2020	1467/30.10.18; 663a/13.7.20	7.430	7.003	391	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
3	Sân vận động huyện Tân Uyên	TT Tân Uyên	2017-2021	1926a/28.10.16; 1984/14.12.18	29.500	26.208	790	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
<b>II</b>	<b>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</b>				<b>173.500</b>	-	<b>92.907</b>		
1	Khu văn hóa, thể thao huyện Tân Uyên	TT Tân Uyên	2021-2023	43/22.01.21; 2123/06.12.21	18.500	-	14.003	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
2	Trường Tiểu học số 1 thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2021-2022	44/22.01.21	6.000	-	3.000	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
3	Đường giao thông Tổ dân phố 7 thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2021-2022	45/22.01.21	5.000	-	2.690	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
4	Đường giao thông bán Tạng Đán xã Thân Thuộc đi bán Phiêng Phát xã Trung Đông	Xã Thân Thuộc, xã Trung Đông	2021-2021	32/19.01.21	5.000	-	3.714	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
5	Trường Tiểu học xã Phúc Khoa - điểm trung tâm	Xã Phúc Khoa	2021-2022	46/22.01.21; 2124/06.12.21	11.000	-	5.500	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
6	Đường bờ kè Tổ dân phố 26 đi Tổ dân phố 7 thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2021-2022	47/22.01.21	8.000	-	4.000	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
7	Đường giao thông vùng chèo xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa	2021-2022	48/22.01.21	2.500	-	1.250	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
8	Đường giao thông Tổ dân phố 3 thị trấn Tân Uyên đi bán Pầu Pát xã Thân Thuộc	TT Tân Uyên, xã Thân Thuộc	2021-2022	49/22.01.21	9.000	-	4.500	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
9	Đường sản xuất xã Nậm Sỏ	Xã Nậm Sỏ	2021-2022	50/22.01.21	14.500	-	7.250	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
10	Trường THCS thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2022-2023	2119/06.12.21	12.000	-	6.000	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
11	Trường Tiểu học xã Trung Đông - điểm trung tâm	Xã Trung Đông	2022-2023	2121/06.12.21	9.000	-	4.500	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
12	Cầu Nậm Bè, xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa, xã Mường Khoa	2022-2023	2120/06.12.21	8.000	-	4.000	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
13	Trường TH & THCS xã Tà Mít - điểm trung tâm	Xã Tà Mít	2022-2023	2122/06.12.21	4.000	-	2.000	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
14	Trường Mầm non xã Thân Thuộc - điểm trường trung tâm	Xã Thân Thuộc	2023-2024	NQ 39/29.10.21	7.500	-	3.750		Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
15	Trường PĐTĐBT Tiểu học xã Mường Khoa - điểm trung tâm	Xã Mường Khoa	2024-2025	NQ 39/29.10.21	8.500	-	4.250		Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất



TT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành (dự kiến)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã phân bổ giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
16	Trường THCS xã Nậm Cắn	Xã Nậm Cắn	2023-2024	NQ 39/29.10.21	7.500	-	3.750		Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
17	Đường sản xuất xã Mường Khoa	Xã Mường Khoa	2023-2025	NQ 39/29.10.21	14.500	-	7.250		Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
18	Trường Mầm non xã Phúc Khoa - điểm trung tâm	Xã Phúc Khoa	2024-2025	NQ 39/29.10.21	8.500	-	4.250		Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
19	Nâng cấp đường Hua Cắn - Hua Tra Nội, xã Nậm Cắn	Xã Nậm Cắn	2023-2025	NQ 39/29.10.21	14.500	-	7.250		Lồng ghép Nguồn thu sử dụng đất
<b>B</b>	<b>Các dự án ngân sách tỉnh quản lý</b>				<b>63.331</b>	-	<b>62.650</b>		
<b>I</b>	<b>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</b>				<b>1.500</b>	-	<b>1.250</b>		
1	Phát triển đường giao thông nội đồng vùng chè cổ thụ huyện Tân Uyên	Xã Mường Khoa	2024-2025	NQ 39/29.10.21	1.500	-	1.250		Bổ sung cân đối ngân sách huyện
<b>II</b>	<b>Thực hiện các chương trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025</b>				<b>61.831</b>	-	<b>61.400</b>		
<b>II.1</b>	<b>Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030</b>				<b>18.600</b>	-	<b>18.600</b>		
1	Đường giao thông vùng Quế xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên	Các xã Nậm Sỏ, Nậm Cắn,...	2022-2024	673/17.6.22	9.300	-	9.300	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
2	Đường giao thông vùng Quế xã Tà Mít, huyện Tân Uyên	Các xã Tà Mít, Nậm Cắn,...	2022-2024	674/17.6.22	5.425	-	5.425	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
3	Đường giao thông vùng Quế các xã Tà Mít, Nậm Cắn, Nậm Sỏ, Pắc Ta, huyện Tân Uyên	Các xã Tà Mít,...	2022-2024	675/17.6.22	1.550	-	1.550	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
4	Đường giao thông vùng cây gỗ lớn các xã Nậm Cắn, Tà Mít, huyện Tân Uyên	Các xã Nậm Cắn, Thân Thuộc,...	2023-2025	676/17.6.22	2.325	-	2.325	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
<b>II.2</b>	<b>Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung</b>				<b>43.231</b>	-	<b>42.800</b>		
1	Đường giao thông vùng cây ăn quả xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên	Xã Nậm Sỏ	2023-2025	677/17.6.22	12.400	-	12.400	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
2	Đường giao thông vùng cây ăn quả xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên	Xã Pắc Ta	2023-2025	678/17.6.22	7.750	-	7.750	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
3	Đường giao thông vùng chè xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên	Xã Nậm Sỏ	2022-2024	679/17.6.22	6.129	-	5.950	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
4	Đường giao thông vùng chè thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	TT Tân Uyên	2022-2024	680/17.6.22	4.326	-	4.200	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
5	Nâng cấp hệ thống thủy lợi huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên và các xã Hố Mít, Pắc Ta, Mường Khoa, Nậm Sỏ,...	2022-2024	681/17.6.22	6.426	-	6.300	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
6	Đường giao thông vùng lúa xã Hố Mít, huyện Tân Uyên	Xã Hố Mít	2022-2024	682/17.6.22	6.200	-	6.200	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	



PHỤ LỤC 02

Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 - Nguồn thu sử dụng đất



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam  
 Quyết định số 08 /NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Tân Uyên

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành (dự kiến)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã phân bổ giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
	<b>TỔNG SỐ (A+B)</b>				<b>225.121</b>	<b>27.285</b>	<b>108.780</b>		
<b>A</b>	<b>Thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai</b>				<b>20.921</b>	<b>7.564</b>	<b>12.997</b>		
<b>I</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</b>				<b>13.851</b>	<b>7.564</b>	<b>6.169</b>		
1	Lập quy hoạch sử dụng đất đến giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	Huyện Tân Uyên	2020-2021	316/31.3.20	1.969	483	1.367	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Uyên	
2	Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	2020-2021	404/22.4.20; 1923/15.12.20	1.379	1.044	335	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Uyên	
3	Đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	TT Tân Uyên	2018-2023	1548/30.11.17; 58/20.01.20; 1372/23.12.21	10.504	6.037	4.467	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Uyên	
<b>II</b>	<b>Các dự án triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025</b>				<b>7.070</b>	<b>-</b>	<b>6.828</b>		
1	Lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm (giai đoạn 2022-2025) huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	2021-2024	1561/13.10.21	1.936	-	1.936	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Uyên	
2	Thống kê đất đai hàng năm (giai đoạn 2022-2025) huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	2021-2025	61/25.01.21; 2179/17.12.21	499	-	458	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Uyên	
3	Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	Huyện Tân Uyên	2022-2025	766/23.6.22	2.455	-	2.455	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Uyên	
4	Lập Quy chế quản lý Kiến trúc đô thị thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	TT Tân Uyên	2022	767/23.6.22	531	-	331	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn tăng thu ngân sách huyện 2021 (30% tăng thu không bao gồm tăng thu sử dụng đất)
5	Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	2024-2025	NQ 03/30.5.22	1.648	-	1.648		Chưa giao nhiệm vụ CĐT
<b>B</b>	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng</b>				<b>204.200</b>	<b>19.721</b>	<b>95.783</b>		
<b>I</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</b>				<b>25.200</b>	<b>19.721</b>	<b>4.973</b>		
1	Trường PTDĐT BT THCS xã Nậm Sỏ	Xã Nậm Sỏ	2019-2020	1469/30.10.18	7.200	5.811	1.268	Ban QLDA XD CB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
2	Trường Tiểu học số 2 thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2019-2020	1470/30.10.18	4.000	3.336	479	Ban QLDA XD CB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành (dự kiến)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã phân bổ giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
3	Trường Mầm non số 1 thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2019-2020	1471/30.10.18; 1960/18.12.20	8.500	6.501	1.840	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
4	Trụ sở tiếp công dân huyện Tân Uyên	TT Tân Uyên	2019-2020	1472/30.10.18	5.500	4.073	1.386	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	
II	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025				179.000	-	90.810		
a	Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025				173.500	-	80.593		
1	Khu văn hóa, thể thao huyện Tân Uyên	TT Tân Uyên	2021-2023	43/22.01.21; 2123/06.12.21	18.500	-	4.497	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
2	Trường Tiểu học số 1 thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2021-2022	44/22.01.21	6.000	-	3.000	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
3	Đường giao thông Tổ dân phố 7 thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2021-2022	45/22.01.21	5.000	-	2.310	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
4	Đường giao thông bản Tạng Đán xã Thân Thuộc đi bản Phiêng Phát xã Trung Đông	Xã Thân Thuộc, xã Trung Đông	2021-2021	32/19.01.21	5.000	-	1.286	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
5	Trường Tiểu học xã Phúc Khoa - điểm trung tâm	Xã Phúc Khoa	2021-2022	46/22.01.21; 2124/06.12.21	11.000	-	5.500	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
6	Đường bờ kè Tổ dân phố 26 đi Tổ dân phố 7 thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2021-2022	47/22.01.21	8.000	-	4.000	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
7	Đường giao thông vùng chè xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa	2021-2022	48/22.01.21	2.500	-	1.250	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
8	Đường giao thông Tổ dân phố 3 thị trấn Tân Uyên đi bản Pầu Pát xã Thân Thuộc	TT Tân Uyên, xã Thân Thuộc	2021-2022	49/22.01.21	9.000	-	4.500	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
9	Đường sản xuất xã Nậm Sỏ	Xã Nậm Sỏ	2021-2022	50/22.01.21	14.500	-	7.250	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
10	Trường THCS thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2022-2023	2119/06.12.21	12.000	-	6.000	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
11	Cầu Nậm Be, xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa, xã Mường Khoa	2022-2023	2120/06.12.21	8.000	-	4.000	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung



TT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành (dự kiến)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã phân bổ giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
12	Trường Tiểu học xã Trung Đồng - điểm trung tâm	Xã Trung Đồng	2022-2023	2121/06.12.21	9.000	-	4.500	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
13	Trường TH & THCS xã Tà Mít - điểm trung tâm	Xã Tà Mít	2022-2023	2122/06.12.21	4.000	-	2.000	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
14	Trường Mầm non xã Thân Thuộc - điểm trường trung tâm	Xã Thân Thuộc	2023-2024	NQ 39/29.10.21	7.500	-	3.750		Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
15	Trường PTDTBT Tiểu học xã Mường Khoa - điểm trung tâm	Xã Mường Khoa	2024-2025	NQ 39/29.10.21	8.500	-	4.250		Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
16	Trường THCS xã Nậm Cắn	Xã Nậm Cắn	2023-2024	NQ 39/29.10.21	7.500	-	3.750		Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
17	Đường sản xuất xã Mường Khoa	Xã Mường Khoa	2023-2025	NQ 39/29.10.21	14.500	-	7.250		Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
18	Trường Mầm non xã Phúc Khoa - điểm trung tâm	Xã Phúc Khoa	2024-2025	NQ 39/29.10.21	8.500	-	4.250		Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
19	Nâng cấp đường Hua Cắn - Hua Tra Nọi, xã Nậm Cắn	Xã Nậm Cắn	2023-2025	NQ 39/29.10.21	14.500	-	7.250		Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung
<b>b</b>	<b>Bố trí vốn lồng ghép cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</b>				<b>5.500</b>	-	<b>3.750</b>		
20	Phát triển đường giao thông nội đồng vùng chè cổ thụ huyện Tân Uyên	Xã Mường Khoa	2024-2025	NQ 39/29.10.21	1.500	-	250		Lồng ghép Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung tính quản lý
21	Sân vận động xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên	Xã Phúc Khoa	2022-2023	778/24.6.22	4.000	-	3.500	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Lồng ghép Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2020
<b>c</b>	<b>Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới phát sinh trong giai đoạn 2021-2025</b>						<b>6.467</b>		